

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2019
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Đào Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 918/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Bé E**, sinh năm **1986 (có đơn vắng mặt)**.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn H**, sinh năm **1977 (vắng mặt)**.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Đỗ Thị Bé E trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau. Anh H không lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình và còn có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Nay chị

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Văn Đ, sinh ngày 02/12/2005 và Đỗ Văn H, sinh ngày 20/02/2009. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị E xác định không có.

Bị đơn – anh Phạm Văn H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Anh H không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị E nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc chấp hành pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị Bé E, không công nhận chị Đỗ Thị Bé E và anh Phạm Văn H là vợ chồng. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Văn Đ, sinh ngày 02/12/2005 và Đỗ Văn H, sinh ngày 20/02/2009 cho chị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Bé E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị E và Anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị **Đỗ Thị Bé E** và anh **Phạm Văn H** chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị E và Anh H không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản

1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị E và Anh H.

[3] Về con chung: Chị **Đỗ Thị Bé E** và anh **Phạm Văn H** có 02 con chung tên Đỗ Văn Đ, sinh ngày 02/12/2005 và Đỗ Văn H, sinh ngày 20/02/2009. Chị E yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, hiện tại 02 con chung của chị E và Anh H đang do chị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2019 (bút lục số 28, 29), cháu Đông và cháu Hiếu đều có nguyện vọng được sống chung với chị E. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Anh H, nhưng Anh H không đến và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp về nuôi con của chị E. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung tên Đỗ Văn Đ, sinh ngày 02/12/2005 và Đỗ Văn H, sinh ngày 20/02/2009 cho chị E được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Đỗ Thị Bé E** trình bày không có. Anh **Phạm Văn H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Đỗ Thị Bé E** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Đỗ Thị Bé E** và anh **Phạm Văn H**.

2. Về con chung: Chị **Đỗ Thị Bé E** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Văn Đ, sinh ngày 02/12/2005 và Đỗ Văn H, sinh ngày 20/02/2009. Anh **Phạm Văn H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị E không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đỗ Thị Bé E** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng theo biên lai số 0019361 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị E đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng